

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG HÌNH
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 07/2020/DSST
Ngày 14-8-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HÌNH, TỈNH PHÚ YÊN
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ksor Y Kư;
2. Bà Bùi Thị Lùng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Chị Lê Thị Mạ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Lương Như Hoàn - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Hình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2019 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST-DS ngày 01/8/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng A; địa chỉ liên hệ: Số M13 THĐ, thị trấn HR, huyện SH, tỉnh Phú Yên; do bà Nguyễn Thị Lệ Th - Phó giám đốc chi nhánh huyện SH, tỉnh Phú Yên đại diện theo văn bản ủy quyền số 90/GUQ-NHNo-SHi ngày 10/8/2020. Có mặt.
2. *Bị đơn:* Vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ sinh năm 1978, bà Nguyễn Thị Ln sinh năm 1984. Có cùng địa chỉ: Thôn TA, xã EBr, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Điều vắng mặt.
3. *Người làm chứng:* Bà Cao Thị Th, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn TA, xã EBr, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 11 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng A trình bày:

Ngày 12/4/2016 Ngân hàng A, chi nhánh huyện SH, tỉnh Phú Yên ký kết hợp đồng tín dụng số 4606-LAV-201601316 với ông Nguyễn Văn Đ. Theo đó Ngân hàng A, cho vợ chồng ông Đ bà L vay 100.000.000^d, thời hạn vay 12

tháng, đến hạn ngày 12/4/2017, gia hạn đến ngày 12/4/2018, lãi suất trong hạn 7%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn (Vay không có tài sản bảo đảm). Ngày 17/6/2016 Ngân hàng A, huyện SH tiếp tục cho ông Đ, bà L vay 250.000.000^d theo hợp đồng tín dụng số 4606-LAV-20160250, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất phát sinh theo dư nợ: Trong hạn 10%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn, định kỳ trả nợ: 17/6/2017 trả 50.000.000^d; 17/6/2018 trả 100.000.000^d; 17/6/2019 trả 100.000.000^d, tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất diện tích 66.579 m² thuộc thửa đất số 249 tờ bản đồ số 1 xã EL, huyện SH (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 690797 do UBND huyện Sông Hinh cấp ngày 30/5/2016, đăng ký thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận ngày 07/6/2016) theo hợp đồng thế chấp số 01 ngày 15/6/2016. Giao dịch bảo đảm đã được đăng ký tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện SH, tỉnh Phú Yên ngày 17/6/2016.

Sau khi vay tiền, ông Đ, bà L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng A, chi nhánh huyện SH, tỉnh Phú Yên. Vì vậy Ngân hàng A, yêu cầu Tòa án tuyên buộc:

1. Ông Đ và bà L trả toàn bộ số nợ 509.700.000^d (trong đó 350.000.000^d tiền gốc, 159.700.000^d tiền lãi tính đến ngày 10/8/2020) và tiền lãi phát sinh từ ngày 11/8/2020 đến ngày trả hết nợ.

2. Nếu vợ chồng ông Đ, bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng A, được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông Đ bà L để thu hồi nợ.

3. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng A,, thì thông qua Ngân hàng A, chi nhánh huyện SH, tỉnh Phú Yên có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của vợ chồng ông Đ bà L để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị L đều vắng mặt. Theo bà Cao Thị Th là mẹ đẻ của ông Đ trình bày: Vợ chồng ông Đ, bà L đi làm ăn ở xa nhưng không cho bà biết địa chỉ chính xác, các lần Tòa án gửi văn bản tố tụng và Giấy triệu tập bà đều nhận thay và gọi điện thông báo cho vợ chồng ông Đ được biết, nhưng vợ chồng ông Đ không về để tham gia tố tụng tại Tòa án. Lý do là vợ chồng ông làm ăn khó khăn, không có tiền về.

Xét thấy, mặc dù vợ chồng ông Đ, bà L đã được mẹ ruột nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án và Giấy triệu tập tham gia tố tụng, nhưng vợ chồng ông Đ, bà L đều không có mặt, không cung cấp địa chỉ mới cho người có quyền là Ngân hàng A, huyện SH và Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh là cố tình dấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ và bà L theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về xét xử sơ thẩm; xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, đã được triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt lần thứ 2, nên tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 463, 466, 323 BLDS; Điều 27, Điều 30 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A: Buộc vợ chồng ông Đ, bà L phải có trách nhiệm liên đới trả số nợ chung 131.481.000^d (trong đó gốc là 100.000.000^d, lãi vay phát sinh đến ngày 10/8/2020 là 31.481.000.^d) (Đã làm tròn số) và lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày 11/8/2020 cho đến khi trả hết nợ.

- Đối với khoản vay 250.000.000^d: Toàn bộ tài liệu chứng cứ thể hiện chỉ mình ông Đ đứng tên vay vốn, không đủ cơ sở xác định mục đích vay là phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình, nên không đủ cơ sở xác định trách nhiệm liên đới trong việc trả nợ của bà L theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình theo yêu cầu của Ngân hàng, vì vậy buộc ông Đ có nghĩa vụ trả toàn bộ khoản vay 378.219.000^d (Đã làm tròn số, trong đó 250.000.000^d tiền gốc, 128.219.000^d tiền lãi phát sinh tính đến ngày 10/8/2020) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 11/8/2020 theo hợp đồng tín dụng số 4606-LAV-20160250 ngày 17/6/2016 cho đến khi trả hết nợ theo quy định tại Điều 27, Điều 30 Luật Hôn nhân gia đình. Nếu ông Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông Đ để thu hồi nợ.

Đối với phần yêu cầu: Nếu tài sản bảo đảm của ông Đ bà L không đủ để thu hồi nợ thì thông qua Ngân hàng A, chi nhánh SH, Phú Yên, có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào khác của vợ chồng ông Đ, bà L để thu hồi nợ, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn đã rút là tự nguyện, nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này.

Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua kiểm tra các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]Về thẩm quyền xét xử: Ngân hàng A, chi nhánh huyện SH, tỉnh Phú Yên có đơn khởi kiện vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị L cư trú tại thôn TA, xã EBr, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]Về quan hệ pháp luật: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với vợ chồng ông Đ bà L thì đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, giao dịch này đang thực hiện từ năm 2016 cho đến nay nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 để áp dụng quy định của Bộ luật dân sự 2015 giải quyết tranh chấp.

[3]Về thủ tục tố tụng: Vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị L đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ, bà L.

[4]Về nội dung tranh chấp: Theo tài liệu chứng cứ do nguyên đơn Ngân hàng A cung cấp thì: Ngày 12/4/2016, vợ chồng ông Đ, bà L vay 100.000.000^d, đến ngày 17/6/2016 ông Đ tiếp tục vay 250.000.000^d. Các khoản nợ này được ông Đ ký xác nhận công nợ vào tháng 6/2018, đến tháng 8/2018 ông Đ và bà L đi khỏi địa phương, người làm chứng là bà Cao Thị Th (Mẹ ruột ông Đ) xác nhận các khoản nợ này đến nay vợ chồng ông Đ chưa trả. Vì vậy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A, buộc ông Đ, bà L phải có trách nhiệm trả 350.000.000^d gốc vay và lãi phát sinh theo quy định tại các Điều 463, Điều 466, Điều 500 Bộ luật Dân sự 2015.

[5]Về trách nhiệm trả nợ: - Đối với khoản vay 100.000.000^d không có tài sản bảo đảm: Hợp đồng tín dụng số 4606-LAV-201601316 ngày 12/4/2016, Giấy đề nghị kiểm phương án vay vốn, tờ Theo dõi phát triển vay và kỳ hạn trả nợ đều thể hiện một mình ông Đ đứng tên vay tiền, nhận tiền; tuy nhiên, Sổ vay vốn không có tài sản bảo đảm thể hiện ông Đ đứng tên chủ hộ và bà L ký với tư cách thành viên từ đủ 18 tuổi trở lên trong hộ gia đình. Vì vậy, đối với khoản vay này, có cơ sở xác định đây là khoản vay chung, vợ chồng ông Đ, bà L phải có trách nhiệm liên đới trả số nợ gốc là 100.000.000^d, lãi vay phát sinh đến ngày 10/8/2020 là 31.481.000.^d, tổng cộng 131.481.000^d (Đã làm tròn số) và lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày 11/8/2020 cho đến khi trả hết nợ.

- Đối với khoản vay 250.000.000^d: Mặc dù hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01 ngày 15/6/2016 có chữ ký Nguyễn Thị L ở phần CÁC ĐỒNG SỞ HỮU, tuy nhiên trong phần chứng thực được UBND xã EBr, huyện SH ký ngày 16/6/2016 thể hiện người thế chấp chỉ có ông Nguyễn Văn Đ. Điều này phù hợp với tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất được thế chấp của ông Nguyễn Văn Đ, do ông Đ được ông Th, bà Th (là bố mẹ đẻ) tặng cho riêng, phù hợp với các tài liệu như: Hợp đồng tín dụng số 4606-LAV-20160250 ngày 17/6/2016, Báo cáo thẩm định, Phân loại khách hàng là hộ gia đình, chủ trang trại, Phương án sản xuất kinh doanh, Biên bản xác định tài sản bảo đảm, tờ Theo dõi phát triển vay và kỳ hạn trả nợ đều thể hiện chỉ một mình ông Đ vay khoản tiền này mà không có ý kiến ủy quyền của bà L cho ông Đ đại diện. Mục đích vay của ông Đ là mua bò chăn nuôi, trồng sắn (mì), vợ chồng ông Đ, bà L không có mặt, không có lời trình bày, không đủ cơ sở xác định mục đích vay là phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình, nên không đủ cơ sở xác định trách nhiệm liên đới trong việc trả nợ của bà L theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình theo yêu cầu của Ngân hàng, vì vậy buộc ông Đ có nghĩa vụ trả toàn bộ khoản vay 378.219.000^d (Đã làm tròn số, trong đó 250.000.000^d tiền gốc, 128.219.000^d tiền lãi phát sinh tính đến ngày 10/8/2020) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 11/8/2020 theo hợp đồng tín dụng số 4606-LAV-20160250 ngày 17/6/2016 cho đến khi trả hết nợ theo quy định tại Điều 44, Điều 45 Luật Hôn nhân gia đình, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở.

[6] Về xử lý tài sản thế chấp: Ông Đ đã thế chấp quyền sử dụng diện tích đất 66.579 m² thuộc thửa đất số 249 tờ bản đồ số 1 xã EL, huyện SH (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 690797 do UBND huyện SH cấp ngày 30/5/2016, đăng ký thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận ngày 07/6/2016) là tài sản hợp pháp của mình theo đúng quy định tại các Điều 44, 45 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 317 và Điều 500 Bộ luật dân sự 2015 nên Hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, việc Ngân hàng yêu cầu: Nếu ông Đ không trả hoặc không trả hết nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Hình xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp quy định tại các Điều 299, 323, 327 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận.

[7]. Về quyền được yêu cầu xử lý tài sản khác để thu hồi nợ, nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ của nguyên đơn Ngân hàng A: Nếu tài sản bảo đảm của ông Đ, bà L không đủ để thu hồi nợ thì thông qua Ngân hàng A, chi nhánh SH, Phú Yên, có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào khác của vợ chồng ông Đ, bà L để thu hồi nợ, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn đã rút là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là đúng pháp luật.

[8] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Vợ chồng ông Đ, bà L có nghĩa vụ thanh toán nên phải chịu 500.000^d chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định tại Điều 155, 156, 157 Bộ luật dân sự. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên bị đơn phải hoàn trả lại cho nguyên đơn.

[9] Về án phí: Vợ chồng bị đơn có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng là: Ông Đ, bà L phải liên đới chịu 131.481.000^d x 5% = 6.574.000^d; Ông Đ phải chịu 378.219.000 x 5% = 18.911.000^d theo quy định về án phí, lệ phí tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Hoàn lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[10] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 155, 156, 157, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 299, 317, 323, 327, 463, 466 và Điều 500 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 25, Điều 27, Điều 30, Điều 44, Điều 45 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng A, chi nhánh huyện SH, tỉnh Phú Yên: Nếu tài sản bảo đảm của vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị L không đủ để thu hồi nợ thì Ngân hàng A, có quyền thông qua Ngân hàng A, Sông Hinh, Phú Yên yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Hinh xử lý bất kỳ một tài sản nào khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của vợ chồng ông Đ bà L để thu hồi nợ;

Chấp nhận phần yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng A, chi nhánh huyện SH, tỉnh Phú Yên:

Buộc bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng A, chi nhánh huyện SH, tỉnh Phú Yên tổng số tiền 131.481.000^d (Một trăm ba mươi một triệu bốn trăm tám mươi một ngàn đồng, trong đó tiền gốc vay 100.000.000^d, tiền lãi 31.481.000^d) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 11/8/2020 theo hợp đồng tín dụng số 4606-LAV-201601316 ngày 12/4/2016 cho đến khi trả hết nợ.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn Đ phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng A, chi nhánh huyện SH, tỉnh Phú Yên tổng số tiền 378.219.000^d (Ba trăm bảy mươi tám triệu hai trăm mười chín ngàn đồng, trong đó tiền gốc vay 250.000.000^d, tiền lãi 128.219.000^d) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 11/8/2020 theo hợp đồng tín dụng số 4606-LAV-20160250 ngày 17/6/2016 cho đến khi trả hết nợ.

Ngân hàng A, chi nhánh huyện SH, tỉnh Phú Yên có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn Đ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 690797 do UBND huyện SH cấp ngày 30/5/2016, đăng ký thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận ngày 07/6/2016 khi ông Đ trả hết nợ.

Nếu ông Nguyễn Văn Đ không trả hoặc trả không hết nợ thì Ngân hàng A, có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Hinh xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng diện tích 66.579 m² thuộc thửa đất số 249 tờ bản đồ số 1 xã Ey, huyện SH (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 690797 do UBND huyện SH cấp ngày 30/5/2016, đăng ký thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận ngày 07/6/2016) theo hợp đồng thế chấp số 01 ngày 15/6/2016 để thu hồi nợ.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị L phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 500.000^d (Năm trăm ngàn đồng). Ngân hàng A, chi nhánh huyện SH, tỉnh Phú Yên đã tạm ứng trước nên vợ chồng ông Đ, bà L phải trả lại cho Ngân hàng A chi nhánh huyện SH, tỉnh Phú Yên.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị L phải liên đới chịu 6.574.000^d (Sáu triệu năm trăm bảy mươi bốn ngàn đồng); ông Đ phải chịu 18.911.000^d (Mười tám triệu chín trăm mười một ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng A, chi nhánh huyện SH, tỉnh Phú Yên 11.549.000^d (Mười một triệu năm trăm bốn mươi chín ngàn đồng) đã nộp tạm

ứng án phí tại Biên lai thu tiền số 0015098 ngày 23/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND h.Sông Hình;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Đông